

**Số: 440/2020/QĐST-HNGĐ**  
*Về việc: Ly hôn.*

*ĐA, ngày 17 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 420/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Anh **Trần Ngọc H**, sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú: Trường Sĩ quan Lục quân 1 – xã CD, thị xã ST, thành phố Hà Nội

**Bị đơn:** Chị **Lê Thị Phương Đ**, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn PX, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Ngọc H và chị Lê Thị Phương Đ.**

## **2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Anh Trần Ngọc H và chị Lê Thị Phương Đ có 02 con chung là cháu Trần Lê Anh Đ, sinh ngày 19/6/2001 và cháu Trần Lê TA, sinh ngày 02/11/2005. Ly hôn hai bên thỏa thuận chị Lê Thị Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Lê TA cho đến khi cháu TA đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án; cháu Đ nay đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết, cháu ở với ai là quyền của cháu. Anh Trần Ngọc H và chị Lê Thị Phương Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Ngọc H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét ở vụ án này.

- **Về án phí:** án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh H xin tự nguyện chịu cả, nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016493 ngày 07/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Nay anh H được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐA;
- TANDTP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐA;
- UBND xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 24, ngày 09/3/2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Trung Trực**